

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẤP VÒ
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2018/DSST

Ngày: 08 - 8- 2018

V/v tranh chấp dân sự

về nợ hụi

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẤP VÒ, TỈNH ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Văn Nội.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Vạn Thế.

Ông Bùi Thanh Hùng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thanh Tòng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò.

Trong ngày 08 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 124/2018/TLST-DS ngày 31 tháng 5 năm 2018 về “tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2018/QĐXX-ST ngày 17 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: 1. Ông Lê Hữu T, sinh năm: 1947. Địa chỉ: ấp AN, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT.

2. Bà Nguyễn Thị N, sinh năm: 1952. Địa chỉ: ấp AP, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị N: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1947, địa chỉ: ấp AN, xã ĐA, huyện LV, tỉnh ĐT (Theo Giấy ủy quyền đề ngày 20/6/2018)

Bị đơn: 1. Ông Văn Văn B, sinh năm: 1952. Địa chỉ: ấp AB, xã ĐY, huyện LV, huyện LV, tỉnh ĐT.

2. Bà Lê Thị L, sinh năm: 1953. Địa chỉ: ấp AB, xã ĐY, huyện LV, huyện LV, tỉnh ĐT.

(Các đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Nguyên đơn ông Lê Hữu T đồng thời là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày: Từ năm 2012 đến 2013 vợ chồng ông B và bà L có làm chủ nhiều dây hui, vợ chồng ông bà là hui viên và đã đóng hui đầy đủ. Đến khoảng tháng 5/2013 vợ chồng ông B và bà L tuyên bố bẽ hui và còn thiếu vợ chồng ông bà số tiền hui là 171.000.000đ và vợ chồng ông B làm giấy nhận nợ và hẹn trả dần cho đến khi hết nợ. Vợ chồng ông B trả được đến tháng 12/2017 (al) được số tiền 142.190.000đ và còn lại 28.810.000đ thì không trả nữa mặc dù ông bà có đến đòi nhiều lần. Nay ông T và bà N yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Lập Vò giải quyết buộc ông B và bà L có nghĩa vụ trả số tiền còn nợ là 28.810.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm mười nghìn đồng), ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

- Bị đơn bà Lê Thị L trình bày: Thừa nhận từ năm 2012 đến 2013 vợ chồng bà có làm đầu thảo hui loại 5.000.000đ và hui 2.000.000đ và vợ chồng ông Út T (Lê Hữu T) và bà Nguyễn Thị N có tham gia 05 dây hui 5.000.000đ (mỗi dây tham gia một phần) và một phần hui 2.000.000đ. Đến tháng 5/2013 con gái của bà là Văn Thị Thu Tr, có nhà và hộ khẩu riêng bị bẽ hui nên các hui viên tham gia dây hui của bà không đồng ý khai nữa mà buộc bà phải tuyên bố bẽ hui. Bà N đến nhà bà yêu cầu vợ chồng bà viết giấy nhận nợ với số tiền là 171.000.000đ (giấy hẹn nợ do ông B viết), bà N có nói là chỉ lấy lại vốn không tính lãi và thỏa thuận nếu bán được nhà thì sẽ trả đủ một lần còn không thì sẽ trả góp hàng tháng cho đến khi hết nợ. Từ tháng 5/2013 đến ngày 29/11/2017 al, vợ chồng bà đã trả được cho vợ chồng ông T tổng số tiền là 142.190.000đ là đủ số tiền vốn mà vợ chồng bà nợ, còn số tiền 28.810.000đ mà vợ chồng ông T yêu cầu vợ chồng bà trả là số tiền lãi. Do đó, bà L xin không phải trả số tiền này vì hoàn cảnh gia đình gặp khó khăn nên không còn khả năng để trả.

- Bị đơn ông Văn Văn B trình bày: Ông thống nhất lời trình bày của bà Lê Thị L, không bổ sung gì thêm.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông Lê Hữu T vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ông B và bà L có nghĩa vụ trả số tiền 28.810.000đ, không yêu cầu tính lãi. Ông T xác nhận ông không còn cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

Tại phiên tòa ngày hôm nay, ông B và bà L thừa nhận còn nợ ông T và bà N số tiền hui là 28.810.000đ, nay ông bà đồng ý trả tiếp cho ông T và bà N nhưng xin được trả dần mỗi tháng 200.000đ cho đến khi hết nợ. Ông B và bà L xác định ông bà không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Tòa án thụ lý vụ án xác định quan hệ tranh chấp ban đầu là “tranh chấp dân sự về đòi lại tài sản”. Tuy nhiên, tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ trả số tiền hui còn nợ là 28.810.000đ

đồng theo giấy hẹn nợ ngày 29/5/2013 dl (ngày 21/4/2013 al) và bị đơn cũng thừa nhận còn nợ nguyên đơn tiền hui. Do đó, bản chất yêu cầu của nguyên đơn là tranh chấp về tiền hui mà bị đơn còn nợ nên Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp dân sự về nợ hui” theo quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[2] Về thẩm quyền: Đây là “Tranh chấp dân sự về nợ hui” và bị đơn có hộ khẩu và cư trú tại huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải. Các đương sự đều thống nhất các tài liệu, chứng cứ của vụ án đã giao nộp đầy đủ, không cung cấp gì thêm và được Tòa án công khai đúng thủ tục. Qua hòa giải các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử là đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn là ông T và bà N, yêu cầu ông B và bà L trả số tiền 28.810.000đ, thấy: Từ năm 2012 đến 2013 vợ chồng ông B và bà L có làm chủ nhiều dây hui, vợ chồng ông T và bà N là hui viên và đã đóng hui đầy đủ nhưng chưa hốt dây hui nào. Đến tháng 5/2013 vợ chồng ông B và bà L tuyên bố bẽ hui và không thanh toán được tiền hui lại cho các hui viên. Sau khi bẽ hui bà L, ông B, ông T và bà N đã thỏa thuận thống nhất chấm dứt các dây hui, tổng kết, đối chiếu số tiền hui còn nợ và thỏa thuận phương thức trả nợ. Căn cứ vào tờ “giấy hẹn nợ đề ngày 29/5/2013 dl” do ông T và bà N cung cấp thể hiện sau khi bẽ hui thì ông B và bà L còn thiếu ông T và bà N số tiền là 171.000.000đ và thỏa thuận trả góp hàng tháng cho đến khi hết nợ. Giấy hẹn nợ này ông B thừa nhận do ông tự viết, ông B và bà L cùng ký tên vào giấy hẹn, từ ngày làm giấy hẹn nợ đến ngày 29/11/2017 al, ông B và bà L đã trả được cho ông T và bà N tổng số tiền là 142.190.000đ và còn nợ lại số tiền 28.810.000đ. Nay ông T và bà N yêu cầu vợ chồng ông B và bà L trả số tiền còn nợ 28.810.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm mười nghìn đồng) là có căn cứ.

[4] Xét ý kiến của bị đơn ông B và bà L cho rằng số tiền 171.000.000đ, trong đó có 142.190.000đ là tiền vốn còn 28.810.000đ là tiền lãi, ông bà đã trả xong tiền vốn còn phần tiền lãi thì khi làm giấy nhận nợ bà N có nói chỉ lấy lại vốn không lấy lãi và hiện nay hoàn cảnh kinh tế gia đình đang gặp khó khăn nên ông B và bà L xin trả dần mỗi tháng 200.000đ cho đến khi hết nợ. Việc yêu cầu xin trả dần của bà L và ông B không được ông T chấp nhận và không phù hợp pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của ông T và bà N buộc ông B và bà L có nghĩa vụ trả cho ông T và bà N số tiền hui còn nợ là 28.810.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm mười nghìn đồng).

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Văn Văn B và bà Lê Thị L phải chịu án phí dân sự sơ theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường

vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án. Ông T và bà N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm hoàn trả cho ông T và bà N số tiền đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 471 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị định số: 144/2006/NĐ-CP ngày 27/11/2006 của Chính phủ về hộ, hộ, biên, phường; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Bn thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và L phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Văn Văn B và bà Lê Thị L có nghĩa vụ trả cho ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị N số tiền nợ hộ là 28.810.000đ (Hai mươi tám triệu tám trăm mười nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) mà bên phải thi hành án chậm thi hành án, thì bên phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chưa thi hành.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Văn Văn B và bà Lê Thị L phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 1.440.500đ (Một triệu bốn trăm bốn mươi nghìn năm trăm đồng).

Ông Lê Hữu T và bà Nguyễn Thị N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông T và bà N số tiền 702.000đ (Bảy trăm lẻ hai nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0001587 ngày 30/5/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lập Vò.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND H.Lấp Vò;
- Chi cục THADS H.Lấp Vò;
- Lưu: VP- Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Văn Nội